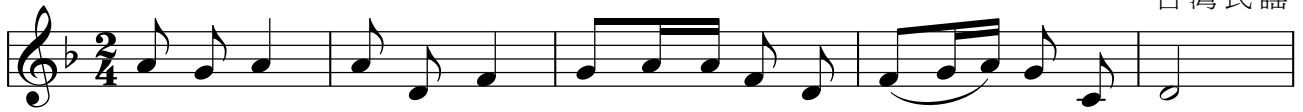


Thi<sup>n</sup> - o - o beh Lòh - hō

## 天 黑 黑 欲 落 雨

Tâi-oân bîn-iâu  
台灣民謠

Thi<sup>n</sup> o - o beh lòh - hō. A - kong - á giáh tí - thâu beh kút ò.  
天 黑 黑 欲 落 雨, 阿 公 仔 舉 鋤 頭 欲 掘 芋.



Kút - ā - kút, kút - ā - kút, kút - tiòh chit - bóe soan - liu - kó,  
掘 啊 掘, 掘 阿 掘, 掘 著 一 尾 漩 溜 牯.



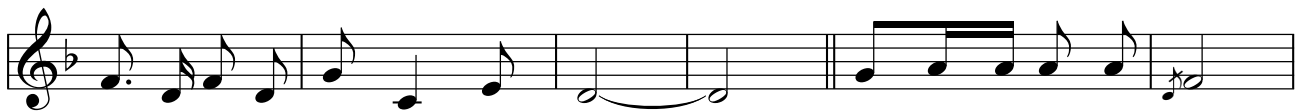
I - a he - to chin - chià<sup>n</sup> chhù - bī. Thi<sup>n</sup> o - o beh lòh - hō,  
真 正 趣 味. 天 黑 黑 欲 落 雨,



A - kong - á giáh tí - thâu beh kút ò.  
阿 公 仔 舉 鋤 頭 欲 掘 芋;



Kút - ā - kút, kút - ā - kút, kút - tiòh chit - bóe soan - liu - kó,  
掘 阿 掘, 掘 阿 掘, 掘 著 一 尾 漩 溜 牯.



I - a he - to chin chià<sup>n</sup> chhù - bī. A - kong - á beh chú kiâm,  
真 正 趣 味. 阿 公 仔 欲 煮 鹹,



A - má beh chú chiá<sup>n</sup>, Nng - ê sio - phah lòn - phòh tiá<sup>n</sup>.  
阿 媽 欲 煮 淡, 兩 個 相 打 撞 破 鼎.



I - a he - to lòn - tòng chhìn - tòng chhiàng. Oah! hah! hah!  
哇 哈 哈!